

(V/v: Giải trình biến động kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 trước và sau kiểm toán)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lương Tài
2. Mã chứng khoán: LUT
3. Địa chỉ trụ sở chính : 118 Cù Lao, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
4. Điện thoại : 028. 38421028 Fax: 028. 38421029

Đơn vị giải trình về biến động kết quả kinh doanh năm 2019 trước và sau khi kiểm toán:

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số liệu sau báo cáo kiểm toán năm 2019	Số liệu sau báo cáo năm 2019 lũy kế 4 quý (trước kiểm toán)	Chênh lệch kiểm toán so với tạm tính
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	247.907.997.774	247.907.997.774	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	247.907.997.774	247.907.997.774	-
4. Giá vốn hàng bán	11	234.740.376.491	234.473.897.762	266.478.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	13.167.621.283	13.434.100.012	(266.478.729)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	38.092.556.787	33.670.999.338	4.421.557.449
7. Chi phí tài chính	22	35.919.429.923	35.149.720.590	769.709.333
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	35.919.429.923	35.149.720.590	769.709.333
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.836.416.151	4.895.771.214	940.644.937
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30	9.504.331.996	7.059.607.546	2.444.724.450
12. Thu nhập khác	31	2.463.176.423	1.009.078.210	1.454.098.213
13. Chi phí khác	32	10.887.439.508	6.715.730.471	4.171.709.037
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(8.424.263.085)	(5.706.652.261)	(2.717.610.824)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.080.068.911	1.352.955.285	(272.886.374)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.034.826.413	722.422.266	312.404.147
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	45.242.498	630.533.019	(585.290.521)

Theo bảng kê trên, giá vốn hàng bán tăng 266,478,729 đồng. Do đó làm tăng lãi gộp thêm 266,478,729 đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 4,421,557,449 đồng do kiểm toán điều chỉnh tăng.

Chi phí tài chính sau kiểm toán tăng 769,709,333 đồng do kiểm toán điều chỉnh chi phí lãi vay theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP.

Chi phí quản lý doanh nghiệp chênh lệch tăng 940,644,937 đồng là do trích thêm chi phí.

Thu nhập khác tăng 1,454,098,213 đồng do kiểm toán điều chỉnh tăng.

Chi phí khác tăng 4,171,709,037 đồng do kiểm toán điều chỉnh tăng.

Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 312,404,147 đồng từ việc tạm tính là 722,422,266 đồng thành 1,034,826,413 đồng theo báo cáo kiểm toán là do tăng doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, chi phí tài chính và chi phí khác.

Kết quả sau cùng lợi nhuận sau thuế kiểm toán ghi nhận giảm đi 585,290,521 đồng từ việc tạm tính là 630,533,019 đồng và sau kiểm toán là 45,242,498 đồng.

Trên đây là giải trình chi tiết về số liệu chênh lệch trước và sau khi kiểm toán của kỳ báo cáo tài chính năm 2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin.

**Nơi nhận :**

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu HC.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *luuk*



*Bùi Đình Hưng*